

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 09-8-2024  
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Thủy.

Ông Võ Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Mỹ Y, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Nguyên đơn – Bà Đoàn Mỹ Y trình bày:

Về hôn nhân: Bà Y và ông K có thời gian tìm hiểu và chung sống trên tinh thần tự nguyện vào năm 2014, hôn nhân không có tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa phương và không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2023 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Đoàn Mỹ Y yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn K.

Về con chung: Có 02 người con tên Đoàn Bảo N, sinh ngày 14/6/2015 và Trần Kim A, sinh ngày 16/4/2018, các người con đang sống với gia đình. Khi ly hôn, bà Y yêu cầu nuôi hết 02 người con chung. Không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn - Ông **Trần Văn K** trình bày:

Về hôn nhân: Tình trạng hôn nhân và thời điểm kết hôn đúng như bà **Y** trình bày. Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng là có xảy ra, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Vợ chồng ly thân từ năm 2023 đến nay, ông **Trần Văn K** đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con tên **Đoàn Bảo N**, sinh ngày 14/6/2015 và **Trần Kim A**, sinh ngày 16/4/2018, hai người con sống với gia đình. Khi ly hôn, ông **K** thống nhất giao các người con cho bà **Y** trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1]. Về thủ tục tố tụng.**

Bà **Đoàn Mỹ Y** yêu cầu ly hôn với ông **Trần Văn K**, yêu cầu nuôi con chung ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do ông **K** cư trú tại **ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau** nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà **Đoàn Mỹ Y** và ông **Trần Văn K** có đơn xin vắng mặt phiên xét xử vì bận làm việc xa, điều kiện đi lại khó khăn nên không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, yêu cầu này của các đương sự là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **[2]. Về nội dung vụ án.**

Về hôn nhân: Bà **Đoàn Mỹ Y** yêu cầu ly hôn với ông **Trần Văn K** tự nguyện chung sống từ năm 2014, hôn nhân không có tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa phương và đến nay vẫn không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ năm 2023 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà **Đoàn Mỹ Y** yêu cầu ly hôn với ông **Trần Văn K**, ông **K** đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy bà **Y** và ông **K** chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, do đó không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự mà căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì quan hệ của bà **Đoàn Mỹ Y** và **Trần Văn K** không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về nuôi con: Có hai người con chung.

Cháu **Đoàn Bảo N**, sinh ngày 14/6/2015 (nữ);

Cháu **Trần Kim A**, sinh ngày 16/4/2018 (nữ).

Hiện tại, hai người con sống với gia đình, khi ly hôn, các đương sự thống nhất giao hết các người con cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của con (Đơn yêu cầu đề ngày 25/7/2024 của cháu N) nên được Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Bà Đoàn Mỹ Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch, bà Y được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 14, 53, 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đoàn Mỹ Y và ông Trần Văn K.

Về nuôi con: Giao cháu Đoàn Bảo N, sinh ngày 14/6/2015 (nữ) và cháu Trần Kim A, sinh ngày 16/4/2018 (nữ) cho bà Đoàn Mỹ Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trần Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bà Đoàn Mỹ Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Y được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014085 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, bà Y đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Diệu Hiền**